

Số: /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo 2

TỜ TRÌNH
Lập đề nghị xây dựng Nghị định
quy định về quản lý sản phẩm, dịch vụ Halal

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 10232/VPCP-KGVX ngày 29/12/2023 của Văn phòng Chính phủ, trong đó giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan liên quan thực hiện đề nghị xây dựng Nghị định theo đúng quy trình, thủ tục, thẩm quyền và quy định.

Bộ Khoa học và Công nghệ xin kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định quản lý sản phẩm, dịch vụ Halal như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Theo tiếng Ả Rập, "Halal" có nghĩa là "được phép" và "Haram" là những điều cấm kỵ. Người Hồi giáo chỉ sử dụng những sản phẩm được Thượng đế (Allah) cho phép và thể hiện sự cho phép là sản phẩm đó được chứng thực Halal theo Kinh Qur'an và Luật Shari'ah của Hồi giáo. Các sản phẩm Halal bao gồm hầu như tất cả sản phẩm thiết yếu của cuộc sống như thực phẩm, đồ uống, thực phẩm hữu cơ, thực phẩm chức năng, dược phẩm, mỹ phẩm, dệt may, thủ công mỹ nghệ đến lĩnh vực dịch vụ như: ngân hàng, du lịch, an ninh, giáo dục và đào tạo, dịch vụ ăn uống, khách sạn, logistics.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm Halal phân bố khắp thế giới, từ các nước Hồi giáo đến phi Hồi giáo, từ các nền kinh tế phát triển đến đang phát triển, do các sản phẩm Halal đáp ứng nhiều tiêu chí về vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo đảm sức khỏe, chất lượng, xanh, sạch, có đạo đức trong chế biến và góp phần bảo vệ môi trường...

Thị trường Halal toàn cầu có tiềm năng rất lớn xét về quy mô dân số Hồi giáo, với khoảng 1,94 tỷ người vào năm 2022, chiếm gần 1/4 dân số thế giới. Dân số Hồi giáo sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức trung bình 1,5%/năm, cao gấp đôi so với dân số phi Hồi giáo (0,7%/năm) và dự kiến sẽ đạt khoảng 2,8 tỷ người và năm 2050. Theo dự báo, đến năm 2050 thế giới sẽ có 51 quốc gia có người Hồi giáo chiếm đa số, tăng 02 nước so với năm 2010 (Macedonia, Bosnia và Herzegovina).

Quy mô nền kinh tế Halal toàn cầu đạt 7000 tỷ USD năm 2022 và dự kiến tăng lên khoảng 10.000 tỷ USD năm 2028 nhờ tăng trưởng quy mô dân số Hồi giáo, mức chi tiêu, sự đa dạng về lĩnh vực và triển vọng tăng trưởng trong tương lai với tốc độ khoản 6-8%/năm.

Hiện nay, ở Việt Nam tính đến tháng 6/2023, trên cả nước có khoảng 90.000 tín đồ Hồi giáo trong đó Hồi giáo (Islam) có trên 36.000 tín đồ, sinh sống tập trung ở 14 tỉnh, thành phố, trong đó đông nhất tại tỉnh An Giang, TP.Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh và tỉnh Ninh Thuận. Đã có 04 tổ chức Hồi giáo (Islam) được Nhà nước công nhận. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam chỉ có khoảng 20 mặt hàng xuất khẩu ở thị trường Halal.

Năm 2023, kim ngạch trao đổi thương mại giữa Việt Nam với 10 đối tác thương mại lớn 4 là thành viên Tổ chức Hợp tác Hồi giáo (OIC) đạt 45,7 tỷ USD, trong đó một số thị trường Hồi giáo ở khu vực Trung Đông – Châu Phi (TĐCP) ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao như Bồ Đào Nha (29%), Nigeria (23,6%), Thổ Nhĩ Kỳ (12%), UAE (5.9%)...; Việt Nam và một số quốc gia Hồi giáo đặt mục tiêu tăng kim ngạch thương mại song phương thời gian tới (Việt Nam – Malaysia phấn đấu tăng kim ngạch thương mại lên 18 tỷ USD, Việt Nam – Indonesia lên 18 tỷ USD vào năm 2028, Việt Nam – UAE lên 10 tỷ USD, Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ lên 5 tỷ USD và Việt Nam – Iran lên 2 tỷ USD...); Việt Nam đang đàm phán để sớm ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện (CEPA) với UAE trong năm 2024 và nghiên cứu khả năng đàm phán FTA với một số nước Hồi giáo/đông tín đồ Hồi giáo như Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ...

Ngành du lịch đang từng bước vào giai đoạn phục hồi và phát triển mới, tiến tới mục tiêu trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị. Hoạt động thu hút khách quốc tế ghi nhận sự sôi động trở lại trên cả nước, trong đó có khách du lịch Hồi giáo. Khách Hồi giáo đến Việt Nam chủ yếu từ các nguồn thị trường chính là Đông Nam Á, Nam Á và có xu hướng tăng nhanh trong những năm gần đây. Theo thống kê năm 2023, Việt Nam đón hơn 470 nghìn lượt khách từ Malaysia (1 trong 10 thị trường khách đến lớn nhất), hơn 105 nghìn lượt khách từ Indonesia, hơn 145 nghìn lượt khách từ Ấn Độ. Du lịch Việt Nam có những thuận lợi về tài nguyên du lịch phong phú, khí hậu phù hợp và sản phẩm du lịch hấp dẫn, đặc biệt là du lịch biển, nghỉ dưỡng cao cấp, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch đến từ các nước Hồi giáo.

Người Hồi giáo rất thích đi du lịch và thuộc nhóm có chi tiêu cho du lịch ở mức cao trên thế giới. Theo báo cáo chỉ số Hồi giáo toàn cầu, những năm gần đây số người theo đạo Hồi đi du lịch trên thế giới tăng khá nhanh. Nếu năm 2013 khoảng 108 triệu lượt khách Hồi giáo đi du lịch thì đến năm 2019 đã đạt 160 triệu lượt. Sau 2 năm đại dịch, từ năm 2021 tốc độ phục hồi thị trường khách Hồi giáo dần ổn định. Năm 2023, có khoảng 140 triệu lượt khách Hồi giáo đi du lịch khắp nơi trên thế giới. Đến năm 2028, ước khoảng 230 triệu lượt khách du lịch Hồi giáo sẽ đi du lịch ra nước ngoài, chi tiêu sẽ lên tới 225 tỉ

USD. Một số thị trường khách Hồi giáo ở phân khúc cao cấp như các nước Trung Đông thường có nhu cầu đi du lịch vào khoảng tháng 7-8 trong năm, địa điểm yêu thích là các bãi biển đẹp, khí hậu ôn hòa.

Tại một số điểm đến du lịch chính của Việt Nam như Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh và một số địa phương tập trung cộng đồng Hồi giáo cũng đã có một số doanh nghiệp quan tâm và đầu tư cơ sở vật chất, dịch vụ phục vụ du khách theo đạo Hồi. Một số khách sạn đã bố trí các phòng cầu nguyện, thực đơn Halal cho du khách.

Trước xu thế nhu cầu sử dụng, xuất khẩu các sản phẩm, dịch vụ Halal trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng ngày càng gia tăng, Bộ Khoa học và Công nghệ xác định sản phẩm, dịch vụ Halal đang là xu hướng phát triển chung và sẽ phát triển nhanh trong thời gian tới do đảm bảo cung cấp được các sản phẩm tốt hơn cho sức khỏe con người và cho xã hội.

Từ tình hình thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu, ban hành Nghị định quản lý sản phẩm, dịch vụ Halal là chủ trương đúng đắn và rất cần thiết của Chính phủ nhằm thúc đẩy phát triển hệ sinh thái Halal tại Việt Nam, tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao phục vụ nhu cầu trong và ngoài nước trong thời gian tới.

II. MỤC ĐÍCH VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Đảm bảo sự phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Quản lý chặt chẽ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh và chứng nhận sản phẩm, dịch vụ Halal giúp người tiêu dùng an tâm khi sử dụng, đảm bảo sản phẩm an toàn, chất lượng, được chứng nhận và có thể truy xuất được nguồn gốc.

3. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal.

4. Xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường và quảng bá sản phẩm, dịch vụ Halal Việt Nam.

5. Tăng cường công tác đào tạo, hợp tác quốc tế về sản phẩm, dịch vụ Halal; nâng cao năng lực và thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa, phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ.

6. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến về sản phẩm, dịch vụ Halal; nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, người sản xuất và người tiêu dùng về việc tuân thủ nghiêm ngặt quy định Luật Hồi giáo.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về quản lý sản phẩm, dịch vụ Halal và chính sách khuyến khích phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal tại Việt Nam;
- Tổ chức đánh giá sự phù hợp liên quan đến sản phẩm, dịch vụ Halal;
- Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến quản lý sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Chính sách 1: Quy định về tiêu chuẩn được áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ Halal

1.1. Mục tiêu:

- Tìm hiểu, nghiên cứu các tiêu chuẩn Halal của các Tổ chức Quốc tế hàng đầu và các thị trường xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam.
- Xây dựng các quy định về quản lý đối với các tiêu chuẩn được áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ Halal.
- Hải hoà với tiêu chuẩn quốc tế/khu vực/quốc gia là thị trường trọng điểm để tạo thuận lợi cho việc xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam.

1.2. Nội dung của chính sách: Quy định về tiêu chuẩn được áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ Halal.

1.3. Giải pháp thực hiện và lý do lựa chọn

a) Giải pháp thực hiện

- Nghiên cứu, xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về Halal trên cơ sở tham khảo các tiêu chuẩn Halal của tổ chức quốc tế hàng đầu và các thị trường xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam như các tiêu chuẩn Codex, Saudi Arabia, Malaysia, Indonesia, Philippines, các quốc gia Vùng Vịnh...

- Chấp nhận tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, khu vực của các quốc gia Hồi giáo.

b) Lý do lựa chọn: Quy định này giúp các doanh nghiệp, các tổ chức đánh giá sự phù hợp có đầy đủ cơ sở về các tiêu chuẩn sản phẩm, dịch vụ Halal phù hợp với từng thị trường xuất khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp có hoạt động tiếp cận, triển khai xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn của Việt Nam và các nước hồi giáo một cách thuận lợi và hiệu quả nhất.

2. Chính sách 2: Quy định về yêu cầu đối với sản phẩm, dịch vụ Halal

2.1. Mục tiêu:

Xây dựng các quy định về quản lý về chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal đáp ứng các tiêu chuẩn trong và ngoài nước; Đảm bảo các doanh nghiệp được các tổ chức đánh giá sự phù hợp trong nước thử nghiệm, chứng nhận.... cho các

sản phẩm, dịch vụ Halal phù hợp với các tiêu chuẩn của Việt Nam và các nước nhập khẩu theo các tiêu chuẩn nhập khẩu.

2.2. Nội dung của chính sách: Quy định yêu cầu đối với sản phẩm, dịch vụ Halal.

2.3. Giải pháp thực hiện và lý do lựa chọn

a) Giải pháp thực hiện

- Quy định yêu cầu chung đối với sản phẩm Halal.
- Quy định công bố tiêu chuẩn áp dụng và ghi nhãn sản phẩm Halal.
- Quy định dấu chứng nhận Halal Việt Nam trên sản phẩm.

b) Lý do lựa chọn

- Việc quy định quản lý về chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal thể hiện tính đặc thù, đặc biệt là sản phẩm, dịch vụ đó, từ đó bảo vệ quyền của người tiêu dùng, người sản xuất chân chính.

- Giúp nâng cao giá trị của sản phẩm dịch vụ Halal, giảm chi phí và tăng thu nhập cho người sản xuất, kinh doanh, bảo vệ người tiêu dùng.

3. Chính sách 3: Quy định về hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, dịch vụ Halal và chấp nhận/ thừa nhận kết quả chứng nhận của các tổ chức chứng nhận nước ngoài

3.1. Mục tiêu: Tạo hành lang pháp lý để quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, dịch vụ Halal tại Việt Nam. Các tổ chức thử nghiệm, chứng nhận phải có đủ năng lực.

3.2. Nội dung của chính sách: Quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của các tổ chức đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, dịch vụ Halal. Quy định về các hoạt động chấp nhận/ thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp, đánh giá chứng nhận của các tổ chức nước ngoài và các tổ chức của Việt Nam đối với các nước nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ Halal.

3.3. Giải pháp thực hiện và lý do lựa chọn

a) Giải pháp thực hiện

- Quy định điều kiện của tổ chức thử nghiệm, chứng nhận sản phẩm Halal;
- Quy định trình tự thủ tục cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, chứng nhận sản phẩm Halal.
- Quy định thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của các tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài.

b) Lý do lựa chọn: Nâng cao năng lực và hiệu quả của các tổ chức đánh giá sự phù hợp trong nước và của các tổ chức chứng nhận quốc tế, khu vực, nước ngoài được ủy quyền

4. Chính sách 4: Quy định về thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ yêu cầu của sản phẩm, dịch vụ Halal

4.1. Mục tiêu: Tạo cơ chế và áp lực quản lý nhà nước thường xuyên đối với người sản xuất, kinh doanh, tổ chức đánh giá sự phù hợp; nâng cao hiệu quả kiểm tra chất lượng sản phẩm Halal trên thị trường, trong sản xuất, nhập khẩu và xuất khẩu; phân biệt giữa kiểm tra chất lượng và thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật; quy định rõ về phương pháp thử, sử dụng kết quả thử nghiệm mẫu sản phẩm Halal.

4.2. Nội dung của chính sách: Quy định cụ thể về kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ các yêu cầu (các đặc thù về an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn môi trường...) của sản phẩm và dịch vụ Halal, cũng như các vấn đề về quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp.

4.3. Giải pháp thực hiện và lý do lựa chọn

a) Giải pháp thực hiện: Quy định rõ về kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ Halal: ưu tiên kiểm tra chất lượng trên thị trường và xuất khẩu (không báo trước), khi có vi phạm mới kiểm tra cơ sở sản xuất hoặc nhập khẩu.

b) Lý do lựa chọn: Giúp người sản xuất, kinh doanh, tổ chức đánh giá sự phù hợp, người tiêu dùng, cơ quan quản lý thống nhất cách thức thử nghiệm mẫu, chứng nhận sản phẩm, dịch vụ Halal; tuân thủ các quy định của pháp luật.

5. Chính sách 5: Quy định về hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu sản phẩm Halal

5.1. Mục tiêu: Giúp doanh nghiệp, đặc biệt là nông dân, hợp tác xã, hộ cá thể yên tâm đầu tư sản xuất sản phẩm Halal, dịch vụ Halal một cách bền vững, phát triển toàn diện ngành kinh tế Halal của Việt Nam..

5.2. Nội dung của chính sách:

- Quy định ưu tiên áp dụng các chính sách kèm theo nguồn ngân sách đã có cho sản xuất sản phẩm Halal bằng kinh phí sự nghiệp khoa học, khuyến nông; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; chính sách xúc tiến thương mại.

- Quy định chính sách riêng, đặc thù cho đối tượng hợp tác xã, tổ hợp tác, hiệp hội, trang trại, hộ gia đình, trong đó hỗ trợ phân tích theo tiêu chuẩn Halal và hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giai đoạn chuyển đổi, chứng nhận, áp dụng tiên bộ công nghệ.

5.3. Giải pháp thực hiện và lý do lựa chọn

a) Giải pháp thực hiện: Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện cụ thể.

b) Lý do lựa chọn: Tạo thêm động lực cho người sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ Halal, thúc đẩy sự phát triển của ngành kinh tế Halal của Việt Nam.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực

Việc triển khai các quy định tại nghị định liên quan đến phạm vi đối tượng chịu sự điều chỉnh liên quan trực tiếp đến sản phẩm, dịch vụ Halal. Nguồn lực về tài chính cần để triển khai các nội dung hoạt động có liên quan được bố trí trong ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

2. Điều kiện bảo đảm việc thi hành văn bản sau khi được thông qua

- Phổ biến các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định ngay sau khi Chính phủ phê duyệt hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định tới các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và cơ quan, tổ chức có liên quan để chuẩn bị sẵn sàng cho việc triển khai áp dụng Nghị định;

- Các Bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ với Bộ Khoa học và Công nghệ trong quá trình triển khai các quy định của Nghị định;

- Bám sát việc triển khai thực tế các quy định của Nghị định; tổ chức tiếp nhận phản hồi từ các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và cơ quan, tổ chức có liên quan; giải đáp kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các quy định của Nghị định;

- Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thi hành Nghị định.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Trường hợp được Chính phủ thông qua đề nghị xây dựng Nghị định này, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức xây dựng Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, trình Chính phủ trong Quý IV năm 2025.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định quản lý sản phẩm, dịch vụ Halal, Bộ Khoa học và Công nghiệp kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, TDC.

BỘ TRƯỞNG